

Bản án số: 86/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2017

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến
2. Ông Nguyễn Công Trung

- *Thư ký phiên tòa:* bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc L (L), sinh năm 1985; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt)
2. *Bị đơn:* Hồ Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Hồ Văn N chung sống với nhau vào năm 2003, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B ngày 18/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N rượu chè, ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình.

Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn tính nào tật ấy không chịu sửa đổi. Do không chịu đựng được nên chị về bên gia đình ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Từ lúc sống ly thân đến nay vợ chồng không gặp mặt cũng không liên lạc, cả hai không có ý định hàn gắn với nhau. Nay chị thấy hôn nhân của chị và anh N không còn hạnh phúc do mâu thuẫn đã trầm trọng. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn N.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Hồ Phan Ngọc Q, sinh ngày 01/12/2003. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2017 bị đơn anh Hồ Văn N trình bày:

Anh và chị L cưới nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B ngày 18/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng đến tỉnh Cà Mau sinh sống làm ăn, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Sống ở Cà Mau được vài năm thì vợ chồng cùng trở về địa phương, trong đời sống chung vợ chồng vẫn hay bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều, không thể hòa giải được nên chị L về nhà cha mẹ ruột sống đến nay đã gần 10 năm. Từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không gặp mặt cũng không liên lạc với nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tuy nhiên chị L xin ly hôn với anh thì anh cần thời gian suy nghĩ.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Hồ Phan Ngọc Q, sinh ngày 01/12/2003. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng chị L. Khi ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 và điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị L và anh N có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh N là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, chị L cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu của chị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung Hồ Phan Ngọc Q, sinh ngày 01/12/2003. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/11/2017, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị L là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Văn N vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc L (L) và anh Hồ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 18 tháng 01 năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, chị L cho rằng trong thời gian chung sống anh N không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình mà chỉ lo ăn chơi, rượu chè chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh N vẫn không sửa đổi. Anh N lại cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều nhưng vợ chồng không hòa giải được nên từ năm 2008 vợ chồng sống ly thân đến nay. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương (bút lục 32), địa phương cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc chị L và anh N sống ly thân là do anh N rượu chè bê tha, không lo làm ăn. Qua đó, xét thấy lời trình bày của chị L là có căn cứ.

[2.2] Mặc dù, chị L và anh N không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Nhưng cả hai đều xác định giữa vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn không hòa giải được với nhau nên từ năm 2008 vợ chồng sống ly thân đến nay và trong thời gian 09 năm sống ly thân vợ chồng không gặp mặt cũng không liên lạc với nhau. Bên cạnh đó, anh N cũng xác định hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng và hai bên không có thiện chí hàn gắn với nhau.

[2.3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc nhau nhưng anh N đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh N lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh N có 01 con chung Hồ Phan Ngọc Q, sinh ngày 01/12/2003. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/11/2017, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và anh N cũng đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị L là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ chị Phan Thị Ngọc L phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Phan Thị Ngọc L (L) ly hôn với anh Hồ Văn N.

2. Về con chung: chị Phan Thị Ngọc L có quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Phan Ngọc Q, sinh ngày 01/12/2003. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh Hồ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị Ngọc L phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012369 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Nhi

